ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ BẮC TIÊN HƯNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 526 /BC-UBND	*Bắc Tiên Hưng, ngày 10 tháng 11 năm 2026*

BÁO CÁO
Kết quả công tác trẻ em năm 2026 và phương hướng nhiệm vụ năm 2027

I. Đặc điểm tình hình

1. Tình hình kinh tế - xã hội tác động đến trẻ em, tình hình trẻ em và công tác trẻ em tại địa phương.

Xã Bắc Tiên Hưng được thành lập theo Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xã Bắc Tiên Hưn được thành lập trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 04 xã, Liên An Đô, xã Phú Lương, xã Mê Linh, xã Lô Giang.

Sau sáp nhập: Bắc Tiên Hưng có địa giới hành chính: phía Đông giáp xã Quỳnh An và Nguyễn Du, phía Tây giáp xã Thần Khê, phía Nam giáp xã Đông Hưng, phía bắc giáp xã Tiên Hưng. Sau khi thành lập xã Bắc Tiên Hưng có diện tích tự nhiên 28,03 km^2, quy mô dân số 40.089 người.

Năm 2026, tình hình kinh tế - xã hội của địa phương cơ bản ổn định và có bước phát triển. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực; thu nhập bình quân đầu người tăng so với năm 2025, đời sống nhân dân được cải thiện. Hệ thống y tế, giáo dục, văn hóa - thể thao tiếp tục được quan tâm đầu tư; công tác an sinh xã hội được triển khai hiệu quả, góp phần đảm bảo quyền lợi cơ bản của trẻ em.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn một số khó khăn, thách thức tác động trực tiếp đến trẻ em, như mặt trái của công nghệ thông tin, mạng xã hội tác động đến nhận thức, hành vi của trẻ; nguy cơ xâm hại qua mạng có xu hướng gia tăng.

2. Những vấn đề về trẻ em và công tác trẻ em phát sinh hoặc chưa được giải quyết.

Số lượng trẻ sống xa cha mẹ do cha mẹ ly hôn hoặc đi làm ăn xa tăng lên, dẫn đến thiếu thốn tình cảm, dễ bị tổn thương về tâm lý.

Nhiều trẻ em bị căng thẳng, trầm cảm, rối loạn lo âu do áp lực học tập, kỳ vọng từ gia đình và mạng xã hội.

II. Kết quả thực hiện

1.Công tác tham mưu, chỉ đạo, giám sát, đánh giá thực hiện quyền trẻ em.

-Kế hoạch số 15/KH- UBND xã ngày 15/01/2026 về thực hiện công tác chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

- Kế hoạch số 22/KH - UBND xã ngày 29/01/2026 về triển khai tiêm chủng bù cho trẻ nhập học tại cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học trên địa bàn xã bắc Tiên Hưng

-Kế hoạch số 179 / KH- UBND ngày 03/9/2026 Triển khai Chiến dịch tiêm chủng vắc xin Uốn ván - Bạch hầu (Td)cho trẻ 7 tuổi trên địa bàn xã Bắc Tiên Hưng năm 2026

- Phối hợp với các ban ngành đoàn thể triển khai các hoạt động trong Tháng hành động vì trẻ em;

- Tổ chức các hoạt động vận động nguồn lực, tiếp nhận ủng hộ trẻ em để chăm lo cho trẻ em nói chung và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn nói riêng.

- Phối hợp với đài truyền thanh xã tăng cường tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về trẻ em, đặc biệt là bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em; đăng tải khẩu hiệu, thông điệp, chủ đề của Tháng hành động vì trẻ em năm 2026.

- Phối hợp tổ chức tập huấn cho trẻ em và người phụ trách trẻ em về kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền, bổn phận của trẻ em; kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền tham gia của trẻ em; kỹ năng xây dựng và trình bày thông điệp tại Diễn đàn trẻ em...

- Tổ chức thăm, tặng quà, trao học bổng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn. Lựa chọn trẻ em tiêu biểu về nghị lực vượt khó vươn lên trong học tập để Lãnh đạo xã tặng quà.

2. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em (ở 3 cấp độ)

- Cấp độ 1: Truyền thông, nâng cao nhận thức về phòng chống xâm hại, bạo lực, tai nạn thương tích trẻ em; 100% thôn, xóm tổ chức sinh hoạt tuyên truyền.

Các Trạm Y tế trên địa bàn xã thường xuyên tuyên truyền về cách phòng, chống các bệnh cho trẻ em, tiêm chủng mở rộng cho trẻ em vào ngày 25 hàng tháng và uống Vitamin A cho trẻ em từ 6 tháng đến 36 tháng tuổi vào ngày 01 tháng 6 .

- Cấp độ 2: Tiếp nhận, hỗ trợ, can thiệp ban đầu các vụ việc liên quan đến trẻ em có nguy cơ bị xâm hại hoặc rơi vào hoàn cảnh đặc biệt. Thực hiện tốt việc chi trả trợ cấp xã hội hằng tháng cho các đối tượng.

- Cấp độ 3: Phối hợp với Công an, Trạm Y tế, trường học xử lý, tư vấn, hỗ trợ các trường hợp bị bạo lực theo quy định.

3. Công tác chăm sóc trẻ em

Thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; tỷ lệ trẻ được tiêm chủng đầy đủ đạt 95%.

Hỗ trợ quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn nhân các dịp lễ, Tết.

4. Công tác giáo dục trẻ em

Các trường học duy trì nề nếp dạy học, quan tâm giáo dục kỹ năng sống, phòng chống bạo lực học đường.

Tổ chức các hội thi, hoạt động ngoại khóa, ngày hội thiếu nhi, tuyên truyền pháp luật cho học sinh.

Chỉ đạo các nhà trường tiếp nhận trẻ em khuyết tật được giáo dục, hòa nhập vào các trường Mầm non, Tiểu học, THCS

5. Công tác văn hóa, thông tin, thể thao, du lịch cho trẻ em

Việc đẩy mạnh các hoạt động vui chơi, giải trí và hoạt động thúc đẩy quyền tham gia trẻ em đã được các cấp, các ngành đoàn thể từ xã đến thôn quan tâm để

phòng, tránh tai nạn thương tích, bạo lực, xâm hại xảy ra đối với trẻ em. Tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao, tết Trung thu cho trẻ em.

Tăng cường công tác tuyên truyền, cổ động, biểu dương trẻ em vượt khó học giỏi, trẻ em tiêu biểu.

6. Kinh phí đầu tư cho công tác trẻ em

(Phần số liệu theo phụ lục II, III, IV, V)

III. Đánh giá kết quả đạt được

1. So sánh kết quả, hiệu quả so với cùng kỳ năm 2025

Công tác trẻ em năm 2026 đạt nhiều kết quả tích cực hơn so với năm 2025: tỷ lệ trẻ em đến trường duy trì ổn định; công tác tiêm chủng, chăm sóc sức khỏe, phòng chống xâm hại trẻ em được tăng cường; không để xảy ra vụ việc nghiêm trọng liên quan đến trẻ em.

100% trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế; 19/19 thôn có cộng tác viên dân số - trẻ em.

2. Những tồn tại, hạn chế

- Công tác theo dõi cập nhật thông tin trẻ em vào phần mềm quản lý ở xã còn hạn chế.

- Một số hoạt động tuyên truyền chưa thường xuyên liên tục.

- Nguồn lực dành cho công tác trẻ em còn hạn chế.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em từ xã đến thôn là kiêm nhiệm.

- Công tác phối hợp giữa các ban, ngành đôi lúc chưa chặt chẽ.

- Nhận thức của một bộ phận phụ huynh về quyền trẻ em còn hạn chế.

- Kinh phí hỗ trợ hoạt động chưa đáp ứng nhu cầu thực tế nên việc tổ chức các hoạt động cho trẻ em còn chưa nhiều.

IV. KẾ HOẠCH NĂM 2027

1. Mục tiêu chung

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; đảm bảo mọi trẻ em được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh, phát triển toàn diện.

- Thự hiện kịp thời các chế độ chính sách cho trẻ em.

- Tiếp tục tuyên truyền vận động Quỹ trẻ em năm 2027 và sử dụng đảm bảo đúng quy định.

2. Các mục tiêu cụ thể

- 100% trẻ em trong độ tuổi được đến trường.

- Duy trì tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ đạt trên 98%.

- Tổ chức 100% thôn, xóm có hoạt động hè, sinh hoạt cho trẻ em.

3. Các chỉ tiêu cần đạt

- 100% trẻ em sinh ra được khai sinh đúng thời hạn.

- Không để xảy ra vụ việc xâm hại, bạo lực trẻ em nghiêm trọng.

- 100% trẻ em được quản lý, cập nhật trong phần mềm quản lý trẻ em.

- Tổ chức ít nhất 02 hoạt động truyền thông/năm về quyền trẻ em.

4. Dự kiến tổng kinh phí hoạt động.

Nguồn kinh phí dự kiến dành cho công tác trẻ em bao gồm: Công tác tập huấn; Tuyên truyền phổ biến pháp luật; Thăm hỏi, tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khóa khăn vào các dịp Lễ, Tết; Cập nhật dữ liệu, hỗ trợ cộng tác viên thôn: Kinh phí khoảng 55.000.000đ (Năm năm triệu đồng)

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác trẻ em năm 2026, phương hướng nhiệm vụ năm 2027. Ủy ban nhân dân xã Bắc Tiên Hưng trân trọng báo cáo./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BẮC TIÊN HƯNG
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Thời gian ký: 10/12/2026 17:26:54

Nguyễn Vi Phú

Nơi nhận:
- Sở Y tế tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục Dân số và Trẻ em;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, VHXH.

Phụ lục II

(Kèm theo Báo cáo số: ...../BC-UBND ngày /11/2026 của UBND xã)

THỐNG KÊ SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC TRẺ EM

Xã Bắc Tiên Hưng

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2026
I	**Dân số trẻ em**		
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người	8785
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi/tổng dân số	%	21,9%
2	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người	2657
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%	6,62 %
3	Số trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế	Người	2657
	Trong đó:		
	Số trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế	Người	2657
4	Số người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	Người	1654
	Tỷ lệ người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi/tổng dân số	%	4,12%
II	**Nguồn kinh phí cho lĩnh vực trẻ em**		
	Tổng ngân sách	Triệu đồng	
1	Ngân sách Trung ương (thông qua các Chương trình, Đề án, …)	Triệu đồng	
2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	0
	- Xã, phường (nguồn triển khai tại cấp xã, không tính nguồn do cấp tỉnh phân bổ cho cấp xã)	*Triệu đồng*	
	+ Trong đó: Ngân sách địa phương bố trí cho các Chương trình, Kế hoạch, Đề án của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thông qua cơ quan QLNN về TE.	*Triệu đồng*	
	+ Nguồn thực hiện chính sách bảo trợ xã hội cho trẻ em.	*Triệu đồng*	
III	**Số người làm công tác trẻ em cấp xã**		
1	Chuyên trách	Người	01

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2026
2	Kiêm nhiệm	Người	0
3	Cộng tác viên dân số làm công tác trẻ em tại thôn, làng, ấp, tổ dân phố, khu phố, khóm	Người	27
IV	**Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em và trẻ em**		
1	Số lớp/số cán bộ cấp xã, cộng tác viên làm công tác trẻ em tại thôn, làng, ấp, tổ dân phố, khu phố, khóm được tập huấn kỹ năng về thực hiện quyền trẻ em		
1.1	Số lớp	Lớp	01
1.2	Số lượt người	Lượt người	
2	Số lớp, số trẻ em được tập huấn về quyền trẻ em và kỹ năng tự bảo vệ		
2.1	Số lớp	Lớp	0
2.2	Số lượt trẻ em	Lượt TE	
3	Số tài liệu tập huấn được xây dựng, sử dụng	Đầu tài liệu	
V	**Truyền thông, giáo dục và vận động xã hội**		
1	Số lượt người được truyền thông trực tiếp về lĩnh vực trẻ em dưới các hình thức	Lượt người	
2	Số sản phẩm truyền thông về lĩnh vực trẻ em được sản xuất ở địa phương		
	Trong đó:		
2.1	Số chương trình phát thanh/truyền hình về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	CT	
2.2	Số chuyên trang/chuyên mục trên báo/tạp chí/mạng truyền thông về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	Đầu CT, CM	
3	Số lượng các hoạt động truyền thông khác	Hoạt động/ sự kiện	
VI	**Xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em**		
1	Xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em	Có/không	Không
VII	**Tháng hành động vì trẻ em**		
1	Số điểm tổ chức Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham dự Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Lượt	

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2026
3	Số lượt trẻ em được tặng quà, cấp học bổng, phẫu thuật miễn giảm phí	Lượt	0
4	Kinh phí dành cho trẻ em, công trình cho trẻ em trong Tháng hành động vì trẻ em, gồm:	Triệu đồng	9500
4.1	Ngân sách	Triệu đồng	9500
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	0
VIII	**Diễn đàn trẻ em các cấp**		
1	Số diễn đàn trẻ em	Cuộc	0
2	Số lượt trẻ em tham gia	Lượt	0
IX	**Tết Trung thu cho trẻ em**		
1	Số điểm tổ chức Tết Trung thu	Điểm	01
2	Số lượt trẻ em được tham gia Tết Trung thu	Lượt	6155
3	Số lượt trẻ em được tặng quà	Lượt	6155
4	Kinh phí dành cho trẻ em trong dịp Tết Trung thu, gồm:	Triệu đồng	**485.748.000**
4.1	Ngân sách	Triệu đồng	**107.578.000**
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	**378.170.000**
X	**Hội đồng nhân dân các cấp gặp mặt trẻ em**		
1	Hội đồng nhân dân có tổ chức gặp mặt trẻ em	Cuộc	0
2	Số lượt trẻ em tham gia	Lượt	0

Phụ lục III

(Kèm theo Báo cáo số...../BC-UBND ngày ./11/2026 của Uỷ ban nhân dân xã)

THỐNG KÊ VỀ HỆ THỐNG CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO VỆ TRẺ EM

Xã Bắc Tiên Hưng

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2026
I	**Cấu trúc, tổ chức tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em các cấp**		
1	Tổ chức phối hợp liên ngành cấp xã	Có/không	Có
2	Xã, phường có thành lập Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã	Có/không	Không
3	Xã, phường có mạng lưới cộng tác viên tham gia công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở thôn/ xóm/làng/cụm dân cư	Có/không	Có
II	**Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em**		
1	**Số cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em tại địa phương (do cơ quan QLNN về trẻ em, trợ giúp xã hội quản lý)**		
1.1	*Cơ sở có một phần chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ BVTE*		
a	*Số cơ sở công lập*		
	- Số cơ sở công lập	Cơ sở	Không
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	- Số cán bộ trực tiếp cung cấp dịch vụ BVTE	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ (một hoặc nhiều dịch vụ)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
b	*Số cơ sở ngoài công lập:*		Không
	- Số cơ sở ngoài công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	- Số cán bộ trực tiếp cung cấp dịch vụ BVTE	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ (một hoặc nhiều dịch vụ)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
1.2	*Cơ sở có chức năng, nhiệm vụ chuyên biệt cung cấp dịch vụ BVTE*		
a	*Số cơ sở công lập*		Không
	- Số cơ sở công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	- Số cán bộ trực tiếp cung cấp dịch vụ BVTE	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ (một hoặc nhiều dịch vụ)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2026
b	*Số cơ sở ngoài công lập:*		Không
	- Số cơ sở ngoài công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	- Số cán bộ trực tiếp cung cấp dịch vụ BVTE	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ (một hoặc nhiều dịch vụ)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
2	**Tổ chức tập huấn/bồi dưỡng kỹ năng thực hành cho đội ngũ cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ (công lập và ngoài công lập)**		
	- Số lớp tập huấn/bồi dưỡng	Lớp	Không
	- Số lượt cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ được tập huấn/bồi dưỡng (công lập và ngoài công lập).	Lượt người	
3	**Số điểm tư vấn cộng đồng**	Điểm	Không
4	**Số điểm tư vấn trường học**	Điểm	14

Phụ lục IV

(Kèm theo Báo cáo số ...../BC-UBND ngày .09./11/2026 của Uỷ ban nhân dân xã)

THỐNG KÊ TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT

Xã Bắc Tiên Hưng

Mẫu số 03/TE
Kỳ báo cáo: 2 lần/năm
Ngày báo cáo: 15/5 và 15/11

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp	Các hình thức trợ giúp				
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	Trợ giúp bằng các hình thức khác
		Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người
a	b	1	2	3	4	5	6	7	9
I	**Dân số trẻ em**								
1	Trẻ em dưới 16 tuổi	8785		0	0	0	0	0	0
	Trong đó:								
1.1	Nam			0	0	0	0	0	0
1.2	Nữ			0	0	0	0	0	0
1.3	Dân tộc:								
	- Dân tộc Kinh	8785							
	- Dân tộc khác	0							
II	**Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt**								
Nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau:									

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp	Các hình thức trợ giúp				
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	Trợ giúp bằng các hình thức khác
		Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người
1	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ	05							
1.1	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ không có người chăm sóc	0							
1.2	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nuôi dưỡng trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em hoặc cơ sở trợ giúp xã hội	0							
1.3	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ sống với người thân thích	05			05	05			
1.4	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích, trừ trường hợp được nhận làm con nuôi	0							
2	Trẻ em bị bỏ rơi	0							
2.1	Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cơ sở trợ giúp xã hội	0							
2.2	Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc thay thế bởi cá nhân và gia đình	0							
3	Trẻ em không nơi nương tựa	0							
3.1	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật	0							

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp	Các hình thức trợ giúp				
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	Trợ giúp bằng các hình thức khác
		Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người
3.2	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc không còn khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng	0							
3.3	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc	0							
3.4	Trẻ em có cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật	0							
3.5	Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội	0							
3.6	Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc	0							
3.7	Trẻ em có cả cha và mẹ không còn khả năng chăm sóc trẻ em	0							
3.8	Trẻ em có cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội	0							

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp	Các hình thức trợ giúp				
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	Trợ giúp bằng các hình thức khác
		Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người
3.9	Trẻ em có cả cha và mẹ đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc	0							
3.10	Trẻ em có cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc	0							
3.11	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ trong độ tuổi trẻ em	0							
3.12	Trẻ em có cả cha và mẹ bị hạn chế quyền làm cha mẹ hoặc tạm thời cách ly khỏi cha hoặc mẹ theo quy định của pháp luật	0							
3.13	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người thân thích	0							
3.14	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người không thân thích	0							
3.15	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc tại cơ sở trợ giúp trẻ em, cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE	0							
4	Trẻ em khuyết tật	88							
4.1	Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng	.19			.19	.19			
4.2	Trẻ em khuyết tật nặng	69			69	69			

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp	Các hình thức trợ giúp				
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	Trợ giúp bằng các hình thức khác
		Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người
4.3	Trẻ em khuyết tật nhẹ	15			15	15			
4.4	Các dạng tật								
	-Trẻ em khuyết tật vận động	35							
	-Trẻ em khuyết tật nghe, nói	12							
	-Trẻ em khuyết tật nhìn	03							
	-Trẻ em khuyết tật thần kinh, tâm thần	02							
	-Trẻ em khuyết tật trí tuệ	18							
	-Trẻ em khuyết tật khác	18							
	+ Trong đó: Trẻ em tự kỷ	10							
5	Trẻ em nhiễm HIV/AIDS	0							
5.1	Sống với cha mẹ, người thân thích	0							
5.2	Được nhận chăm sóc thay thế tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cá nhân, gia đình không phải người thân thích	0							
6	Trẻ em vi phạm pháp luật	0							
6.1	Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính	0							

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp	Các hình thức trợ giúp				
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	Trợ giúp bằng các hình thức khác
		Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người
	-Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, giáo dục tại xã, phường, thị trấn	0							
	-Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng	0							
6.2	Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp tư pháp	0							
	- Trẻ em bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn	0							
	- Trẻ em bị áp dụng biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng	0							
6.3	Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn	0							
	- Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn	0							
	- Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù nhưng được hưởng án treo	0							
7	Trẻ em nghiện ma túy	0							
7.1	Trẻ em nghiện ma túy trong cơ sở cai nghiện	0							
7.2	Trẻ em nghiện ma túy đang áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện tại gia đình, cộng đồng	0							

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp	Các hình thức trợ giúp				
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	Trợ giúp bằng các hình thức khác
		Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người
8	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở	0							
8.1	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở không có người chăm sóc	0							
8.2	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở sống cùng cha, mẹ hoặc có người chăm sóc	0							
9	Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực	0							
10	Trẻ em bị bóc lột	0							
10.1	Trẻ em đang tham gia lao động trái quy định của pháp luật về lao động	0							
10.2	Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trình diễn hoặc bị sử dụng trong sản xuất các sản phẩm khiêu dâm	0							
10.3	Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động du lịch tình dục	0							
10.4	Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trục lợi khác	0							

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp	Các hình thức trợ giúp				
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	Trợ giúp bằng các hình thức khác
		Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người
10.5	Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động vận chuyển, mua bán, sản xuất, tàng trữ chất gây nghiện và các hàng hóa khác bị cấm giao dịch theo quy định của pháp luật	0							
11	Trẻ em bị xâm hại tình dục	0							
11.1	Trẻ em bị hiếp dâm	0							
11.2	Trẻ em bị cưỡng dâm	0							
11.3	Trẻ em bị giao cấu	0							
11.4	Trẻ em bị dâm ô	0							
11.5	Trẻ em bị sử dụng vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức	0							
12	Trẻ em bị mua bán	0							
12.1	Trẻ em bị mua bán trở về sống với cha, mẹ hoặc người thân thích	0							
12.2	Trẻ em bị mua bán trở về được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích	0							
13	Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp	Các hình thức trợ giúp				
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	Trợ giúp bằng các hình thức khác
		Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người
13.1	Trẻ em thuộc hộ nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	0							
13.2	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày	0							
14	Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc	0							
14.1	Trẻ em là công dân Việt Nam di cư, lánh nạn trong nước chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc	0							
14.2	Trẻ em có quốc tịch nước ngoài di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam không có người chăm sóc	0							
14.3	Trẻ em chưa xác định được quốc tịch, chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam.	0							
III	**Tổng số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt**								
Nhóm trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau:									
1	Trẻ em sống trong gia đình nghèo, cận nghèo	.....				.....			

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp	Các hình thức trợ giúp				
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	Trợ giúp bằng các hình thức khác
		Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người
	Trong đó: Trẻ em sống trong gia đình nghèo	28				28			
2	Trẻ em bỏ học (chưa học xong chương trình THCS)	0				0			
3	Trẻ em sống trong các gia đình có vấn đề xã hội (cha, mẹ ly hôn, bạo lực gia đình, có người nhiễm HIV/AIDS, nghiện ma túy)	0							
4	Trẻ em sống trong gia đình có người mắc tệ nạn xã hội (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình nghiện ma túy, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm)	0							
5	Trẻ em sống trong gia đình có người vi phạm pháp luật (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình đang trong thời gian chấp hành xử lý vi phạm hành chính hoặc hình sự)	0							
6	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ đi làm ăn xa (trẻ em phải sống xa cả cha và mẹ liên tục từ 6 tháng trở lên)	0							
7	Trẻ em mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ	15				15			
IV	**Tổng số trẻ em có hoàn cảnh khác**								
Nhóm trẻ em có hoàn cảnh khác chia theo các loại sau:									
1	Trẻ em bị bắt cóc, chiếm đoạt, đánh tráo	0							

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp	Các hình thức trợ giúp				
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	Trợ giúp bằng các hình thức khác
		Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người
2	Trẻ em bị tai nạn thương tích	0							
2.1	Số trẻ em bị tai nạn thương tích	0							
2.2	Số trẻ em tử vong do tai nạn thương tích	0							
	+ Trong đó: Số trẻ em tử vong do đuối nước	0							
	Số trẻ em tử vong do tai nạn giao thông	0							

Phụ lục V

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TAI NẠN THƯƠNG TÍCH TRẺ EM NĂM 2026

Xã Bắc Tiên Hưng

Tổng số trẻ em mắc tai nạn thương tích trong kỳ báo cáo: 0
Tổng số trẻ em tử vong do TNTT trong kỳ báo cáo: 0
Tổng số trẻ em bị khuyết tật do TNTT trong kỳ báo cáo: 0
Tổng số trẻ em trong kỳ báo cáo: 0
Tổng số xã, phường, thị trấn trong kỳ báo cáo:

TT	Loại tai nạn thương tích	Tổng số	Số trẻ em mắc/số trẻ em tử vong								
			Giới tính		Nhóm tuổi				Địa điểm xảy ra TNTT		
			Nam	Nữ	*0-5 tuổi*	*6-9 tuổi*	*10-13 tuổi*	*14-16 tuổi*	*Tại nhà*	*Trường học*	*Cộng đồng*
1	Ngã	0									
2	Bỏng/cháy	0									
3	Tai nạn giao thông	0									
4	Ngộ độc các loại	0									
5	Cắt, đâm	0									
6	Ngạt thở, hóc nghẹn	0									
7	Súc vật cắn	0									
8	Đuối nước	0									
9	Bom, mìn/vật nổ	0									

10	Điện giật	0									
	Các loại TNTT khác	0									
	Bạo lực	0									
11	Tự tử	0									
	Lũ lụt	0									
	Cây đổ	0									
Tổng số		**0**									